

THIẾT KẾ VÀ SỬ DỤNG PHIẾU HỌC TẬP TRONG DẠY HỌC TOÁN LỚP 5 - CHỦ ĐỀ “TỈ SỐ PHẦN TRĂM”

Nguyễn Thị Nga¹

TÓM TẮT

Hoạt động dạy học có rất nhiều phương tiện hỗ trợ hữu ích cho giáo viên trong việc truyền thụ nội dung kiến thức cho học sinh để cụ thể hóa mục tiêu dạy và học nhằm tăng cường các hoạt động nhận thức. Phiếu học tập (PHT) là một phương tiện dạy học hỗ trợ cho người giáo viên một cách đặc lực. PHT có thể tạo hứng thú giúp học sinh chuẩn bị bài một cách hiệu quả, phát huy vai trò tích cực, chủ động, sáng tạo, rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu cho học sinh. Giáo viên có thể sử dụng PHT trong quá trình dạy học của mình, bằng cách giao cho mỗi học sinh hoặc nhóm học sinh, với mục đích giúp học sinh chủ động thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao. Ở bài viết này, chúng tôi đưa ra một số biện pháp thiết kế và sử dụng PHT, được minh họa bằng các ví dụ trực quan trong dạy học Toán 5 chủ đề “Tỉ số phần trăm”.

Từ khóa: Phiếu học tập, giáo viên, học sinh, tỉ số phần trăm.

DOI: <https://doi.org/10.70117/hdujs.3.2024.694>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhiều thập kỉ qua, Việt Nam luôn đặt mục tiêu giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu. Để thực hiện mục tiêu đó thì việc đổi mới phương pháp dạy học luôn là một trong những nhiệm vụ cấp thiết để đáp ứng yêu cầu đổi mới nền giáo dục Nước nhà, nhằm hội nhập với nền giáo dục quốc tế.

Việc sử dụng phiếu học tập (PHT) trong quá trình dạy học Toán ở tiểu học sẽ góp phần hỗ trợ tích cực cho giáo viên trong việc truyền tải nội dung kiến thức một cách tự nhiên. Vì qua PHT giúp học sinh tiếp thu được kiến thức một cách tự nhiên không gò ép. Bởi lẽ lúc này học sinh là người đóng vai trò chủ động trong hoạt động nhận thức. Hiện nay, có rất nhiều phương tiện dạy học hỗ trợ cho giáo viên trong hoạt động giảng dạy. Tuy nhiên có thể nói rằng PHT là một phương tiện đơn giản, hiệu quả kinh tế cao nhưng lại đóng vai trò quan trọng, góp phần quyết định đến chất lượng của quá trình tổ chức hoạt động nhận thức cho học sinh. Thực trạng của việc dạy học trước đây cho thấy nhiều giáo viên chưa đầu tư, khai thác việc sử dụng PHT trong giảng dạy, nếu có thì còn nhiều hạn chế và yếu kém trong việc thiết kế và sử dụng PHT phù hợp với mục đích, yêu cầu của các nội dung, chủ đề dạy học. Trong thời gian gần đây, việc thiết kế và sử dụng PHT đã được giáo viên nói chung và giáo viên dạy Toán ở tiểu học nói riêng đặc biệt được chú trọng nhưng kết quả thu được còn hạn chế, chưa phát huy hết vai trò của PHT. Thực tiễn sư phạm và qua quan sát phỏng vấn

¹ Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Hồng Đức; Email: nguyenthinga@hdu.edu.vn

học sinh và giáo viên cho thấy đa phần học sinh chưa thực sự hứng thú với phương tiện hỗ trợ này). Vậy nguyên nhân của vấn đề này là gì? Để lý giải và có câu trả lời thỏa đáng cho vấn đề này chúng tôi đã thực hiện khảo sát và phỏng vấn các giáo viên cốt cán của phòng Giáo dục và Đào tạo Thanh Hoá và nguyên nhân chủ yếu là do giáo viên khi thiết kế PHT còn cơ bản dựa vào chủ quan của bản thân mà chưa quan tâm nhiều đến trình độ của học sinh, do đó có những PHT quá khó hoặc quá dễ làm cho học sinh mất đi niềm tin và hứng thú trong học tập.

Đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về việc thiết kế, sử dụng phiếu học tập hỗ trợ quá trình giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh, trong đó có thể kể đến như: tác giả Nguyễn Văn Thái Bình, Đỗ Mai Hiền,... Tuy nhiên trong các công trình đó chưa đề cập sâu đến việc đề xuất các biện pháp trong việc thiết kế và sử dụng phiếu học tập trong môn Toán ở cấp tiểu học.

Chính vì lẽ đó bài báo này, tác giả đề xuất một số biện pháp thiết kế và sử dụng PHT trong dạy học một chủ đề thuộc môn Toán ở cấp tiểu học.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong nghiên cứu này chúng tôi sử dụng phương pháp nghiên cứu lí luận và phương pháp nghiên cứu thực tiễn nhằm tìm kiếm, thu thập, tổng hợp các thông tin liên quan đến việc thiết kế và sử dụng PHT. Từ đó sắp xếp, phân loại và hệ thống các loại PHT theo tiêu chí về mức độ kiến thức, về mục đích sử dụng, đối tượng sử dụng. Để đưa ra được các quy trình thiết kế và sử dụng PHT. Ứng dụng chúng vào việc thiết kế và sử dụng PHT cho một chủ đề dạy học và trong bài báo này là chủ đề về “Tỷ số phần trăm” thuộc nội dung chương trình môn Toán lớp 5.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Phiếu học tập

3.1.1. Khái niệm “phiếu học tập”

Theo nghĩa từ điển tiếng Việt: Phiếu là tờ giấy rời, có cỡ nhất định chuyên dùng để ghi chép một nội dung nào đó. (ví dụ: phiếu thư viện, phiếu điều tra...). Phiếu là tờ giấy ghi nhận một quyền lợi nào đó cho người sử dụng (ví dụ: phiếu nhận tiền, phiếu khám sức khoẻ...) [5].

Phương tiện dạy học gồm “những thiết bị có chứa đựng hoặc chuyên tải những thông tin về nội dung dạy học và về sự điều khiển quá trình dạy học”. Mỗi phương tiện dạy học có thể giúp học sinh thực hiện một số trong các chức năng sau: kiến tạo tri thức, rèn luyện kĩ năng, kích thích hứng thú học tập, tổ chức điều khiển quá trình học tập, hợp lí hóa công việc của thầy và trò” [2; tr.401].

PHT là một phương tiện hỗ trợ cho việc dạy học, được giáo viên chuẩn bị trước, bao gồm các nhiệm vụ học tập, câu hỏi, bài tập... có thể kèm theo gợi ý, hướng dẫn của giáo viên, được thiết kế trên giấy hoặc trên máy tính. Người học thực hiện nhiệm vụ trên PHT, hoặc ghi các thông tin cần thiết để giải quyết yêu cầu được đặt ra trên PHT, qua đó lĩnh hội được kiến thức mới hoặc củng cố kiến thức đã được học.

3.1.2. Vai trò của phiếu học tập

PHT giúp người học tự khám phá, lĩnh hội được tri thức mới cũng như luyện tập, thực hành củng cố các kiến thức đã học. Học sinh hoặc nhóm học sinh là chủ thể, chủ động, độc lập hoạt động trong quá trình nhận thức của mình thông qua PHT.

Thông qua PHT, giáo viên có thể lồng ghép, bằng các yêu cầu, bài tập, câu hỏi cần trả lời có thể kèm theo hướng dẫn gợi ý cho hoạt động nhận thức của học sinh từ đó học sinh chiếm lĩnh kiến thức một cách chủ động và tích cực.

Thông qua PHT, giáo viên là người chỉ đạo dẫn dắt, giúp học sinh chủ động khám phá, tiếp thu tri thức, đồng thời rèn luyện và phát triển tư duy sáng tạo.

Giáo viên có thể truyền thụ một lượng lớn kiến thức của mỗi bài học, mỗi chương nhằm đạt được các mục tiêu dạy học thông qua việc sử dụng PHT.

Thông qua PHT, giáo viên có thể nắm bắt, đánh giá được năng lực chiếm lĩnh tri thức cũng như hành vi, thái độ học tập của học sinh. Từ đó kịp thời điều chỉnh phương pháp dạy học để nâng cao hiệu quả của việc dạy học.

3.1.3. Phân loại phiếu học tập

Theo tác giả Nguyễn Bá Kim (2011), những chức năng điều hành quá trình dạy học bao gồm: “Đảm bảo trình độ xuất phát; hướng đích và gợi động cơ; hàm việc với nội dung mới; củng cố; luyện tập; kiểm tra và đánh giá; hướng dẫn công việc về nhà” [2; tr.159-175].

Do đó PHT được phân thành 5 loại:

(1) PHT với mục đích đặt vấn đề, phát hiện vấn đề, tiếp cận vấn đề. Có thể gọi là PHT hỗ trợ ban đầu;

(2) PHT với mục đích giải quyết vấn đề;

(3) PHT với mục đích để thực hành, củng cố kiến thức - kĩ năng;

(4) PHT với mục đích tổng quát hoá kiến thức - kĩ năng, đào sâu, mở rộng, hệ thống hóa;

(5) PHT với mục đích kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học sinh.

3.1.4. Quy trình thiết kế phiếu học tập

Tác giả Nguyễn Văn Thái Bình đã đề xuất quy trình thiết kế và sử dụng PHT theo trình tự các bước như sau:

Bước 1: Cần xác định mục đích cụ thể của từng phần trong nội dung của bài học.

Bước 2: Giáo viên xác định những thời điểm, nội dung cần hỗ trợ hoạt động học tập của học sinh, từ nội dung bài học và dụng ý sư phạm để bố trí hợp lý về thời điểm sử dụng PHT.

Bước 3: Xác định nội dung của PHT dựa vào một số yếu tố như: mục tiêu từng phần của bài học, mục tiêu bài học, mục đích sử dụng PHT, phương pháp và phương tiện dạy học, môi trường lớp học,... Từ đó, giáo viên thiết kế hình thức và nội dung thể hiện trong PHT.

Bước 4: Nội dung và hình thức của PHT cần đảm bảo tính khoa học, thẩm mỹ. Cần ghi ngắn gọn, chính xác, rõ ràng, dễ hiểu các thông tin, yêu cầu trên PHT.

Bước 5: Xác định thời gian dự kiến sử dụng PHT trong bài học [1].

3.1.5. Quy trình sử dụng phiếu học tập

Xuất phát từ vai trò của PHT, quy trình sau sử dụng PHT diễn ra theo bốn bước sau:

Bước 1: Giáo viên nêu vấn đề, phát PHT cho cá nhân học sinh hoặc theo nhóm học sinh tùy theo mục đích của giáo viên.

Bước 2: Học sinh sẽ thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu trong PHT, giáo viên giám sát và kiểm tra kết quả. Giáo viên có thể gợi ý, dẫn dắt học sinh những vấn đề các em còn chưa rõ.

Bước 3: Giáo viên chỉ định một học sinh bất kỳ đưa ra kết quả của mình sau khi học sinh đã hoàn thành các nội dung của PHT.

Bước 4: Giáo viên có thể đánh giá kết quả thực hiện PHT của các cá nhân hoặc nhóm thông qua việc tổ chức cho học sinh trao đổi, thảo luận, bổ sung, sửa chữa những sai lầm thường gặp [1].

3.2. Một số biện pháp thiết kế và sử dụng phiếu học tập trong dạy học chủ đề “tỉ số phần trăm”

3.2.1. Thiết kế và sử dụng phiếu học tập với mục đích đặt vấn đề, phát hiện và giải quyết vấn đề

3.2.1.1. Mục tiêu của biện pháp

Thiết kế và sử dụng PHT nhằm:

Hỗ trợ giáo viên khảo sát được mức độ tiếp thu bài của học sinh trong lớp, đồng thời có thể nắm bắt được đáp án của nhiều học sinh trong lớp ở cùng một thời điểm (đặc biệt khi lớp học có sĩ số cao).

Bước đầu giúp học sinh học cách khám phá tri thức mới.

Hỗ trợ học sinh ở từng khâu, từng giai đoạn của quá trình phát hiện và giải quyết vấn đề. Rèn luyện cho học sinh các thao tác tư duy như: phán đoán, phân tích, tổng hợp, so sánh, đặc biệt hoá, khái quát hóa, tương tự hoá,...

3.2.1.2. Cách thực hiện biện pháp

Để thiết kế và sử dụng PHT với mục tiêu đặt vấn đề, phát hiện và giải quyết vấn đề, PHT có thể được chia thành các dạng sau:

PHT được thiết kế để hỗ trợ quá trình nhận thức của học sinh với mục tiêu hình thành khái niệm mới, phát hiện và giải quyết vấn đề. Giáo viên cần dự đoán các tình huống có thể xảy ra, những sai lầm phổ biến mà học sinh có thể mắc phải trong quá trình chiếm lĩnh tri thức để thiết kế PHT.

Ví dụ 1: Khi muốn hình thành cho học sinh khái niệm về tỉ số phần trăm giáo viên có thể đưa ra các câu hỏi lựa chọn nhằm phát huy khả năng phán đoán, phát hiện ra vấn đề liên quan đến kiến thức mới cần trang bị cho học sinh trong PHT. Lúc này, tất cả học sinh sẽ phải nỗ lực suy nghĩ để giải quyết vấn đề được đặt ra trong PHT (Được minh họa trong PHT số 1).

Phiếu học tập số 1

Họ và tên:.....Lớp.....
Diện tích một vườn hoa bằng 400dm^2 , trong đó có 8000 cm^2 trồng hoa hồng. Khi đó tỉ số của diện tích trồng hoa hồng và diện tích vườn hoa là: A. $\frac{4}{80}$ B. $\frac{8}{40}$ C. $\frac{20}{100}$ D. $\frac{80}{4}$ Từ đó chọn khái niệm đúng về tỉ số phần trăm trong các câu sau: 1) Tỉ số phần trăm của diện tích trồng hoa hồng và diện tích vườn hoa là hai mươi phần trăm, được viết là 20%. 2) Diện tích trồng hoa hồng chiếm hai mươi phần trăm (20%) so với diện tích vườn hoa. 3) Cả hai ý 1) và 2) đều đúng

PHT được thiết kế theo dạng câu hỏi nhằm mục đích góp phần phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề thông qua các câu trả lời của học sinh. Khi sử dụng PHT, giáo viên sẽ nhận được câu trả lời của cả lớp hoặc các nhóm học sinh trong cùng một thời điểm, đồng thời sẽ phát huy được tính tự giác, tích cực suy nghĩ của mỗi học sinh, thay vì giáo viên đặt câu hỏi trực tiếp và chỉ nhận được câu trả lời ở một vài cá thể học sinh.

Ví dụ 2. Để phát hiện quy tắc tìm tỉ số phần trăm của hai số, tìm giá trị phần trăm của một số, tìm một số khi biết giá trị phần trăm của số đó, giáo viên có thể đưa ra các câu hỏi khơi dậy việc hình thành một đơn vị kiến thức mới cần trang bị cho học sinh trong PHT (PHT số 2, 3 và 4).

Phiếu học tập số 2

Họ và tên:.....Lớp.....
Một trường tiểu học có tổng số 400 học sinh, trong đó có 80 học sinh giỏi. Khi đó. 1) Tỉ số của học sinh giỏi và học sinh toàn trường là:..... 2) Tỉ số phần trăm của học sinh giỏi và học sinh toàn trường là:..... 3) Số học sinh giỏi chiếm bao nhiêu phần trăm học sinh toàn trường :..... 4) Từ đó chọn kết luận đúng về quy tắc tìm tỉ số phần trăm của hai số a và b: A. Ta lấy số a chia cho số b nhân với 100 rồi viết thêm kí hiệu % vào kết quả. B. Ta lấy số b chia cho số a nhân với 100 rồi viết thêm kí hiệu % vào kết quả. C. Ta lấy số a chia cho số b nhân với 100.

Phiếu học tập số 3

Họ và tên:.....Lớp.....
Lớp 5A có tổng số học sinh là 30 em, với số học sinh nữ chiếm 60%. Em hãy cho biết: 1) Tỉ số phần trăm của học sinh nữ và học sinh cả lớp là:..... 2) Nếu lớp 5A có 100 học sinh thì số học sinh nữ là:..... 3) Lớp có 30 học sinh thì số học sinh nữ là:..... 4) Từ đó chọn kết luận đúng về quy tắc tìm giá trị phần trăm của một số: A. Ta lấy số đó chia cho 100 rồi nhân với số phần trăm. B. Ta lấy số đó nhân với số phần trăm rồi chia cho 100. C. Kết luận A, B ở trên đều đúng.

Phiếu học tập số 4

Họ và tên:.....Lớp:.....
Lớp 5A có 25% học sinh giỏi, 55% học sinh khá, số còn lại là học sinh trung bình có 5 bạn. Em hãy cho biết
1) Tỉ số phần trăm của học sinh trung bình và học sinh cả lớp là:
2) Nếu lớp 5A có 100 học sinh thì số học sinh trung bình là:.....
3) Lớp có 5 học sinh trung bình thì số học sinh cả lớp là:.....
4) Từ đó chọn kết luận đúng về quy tắc tìm một số khi biết giá trị phần trăm của nó
A. Ta lấy giá trị đó chia cho số phần trăm rồi nhân với 100.
B. Ta lấy giá trị đó nhân với 100 rồi chia cho số phần trăm.
C. Kết luận A, B ở trên đều đúng.

Như vậy, qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập thể hiện trong nội dung của PHT trên, học sinh đã tự nhận biết, dự đoán, phân tích, trích xuất các thông tin quan trọng, từ đó góp phần phát triển tư duy logic toán cho học sinh.

3.2.2. Thiết kế phiếu học tập nhằm phân hóa về trình độ nhận thức của học sinh**3.2.2.1. Mục tiêu của biện pháp**

Trong lớp học sẽ có sự phân hoá về học lực của học sinh, bao gồm học lực yếu kém, trung bình, khá và giỏi. Bởi vậy, dựa trên tiêu chí về sự phân loại trình độ của học sinh, cần thiết kế PHT phù hợp với từng đối tượng, nhằm giúp các em có thể giải quyết được các nhiệm vụ học tập phù hợp với khả năng. Qua đó góp phần phát triển tư duy toán cho học sinh, tránh sự nhầm lẫn đồng thời kích thích phát triển tư duy sáng tạo, khả năng biến hóa linh hoạt cho học sinh khá, giỏi và xóa bỏ sự nhụt chí của học sinh yếu kém, trung bình.

3.2.2.2. Cách thực hiện biện pháp

Căn cứ vào học lực của từng đối tượng học sinh, nội dung PHT được thiết kế sao cho phù hợp với trình độ của học sinh, chẳng hạn: Đối với học sinh có học lực yếu, kém thì câu hỏi/bài tập thường ở mức nhận biết, thông hiểu; học sinh có học lực khá, giỏi câu hỏi/bài toán đặt ra thường ở mức độ vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá.

Ví dụ 3: PHT số 5 hỗ trợ giáo viên phân hóa năng lực, khả năng học tập của học sinh sau khi đã dạy cho học sinh đầy đủ các kiến thức, các dạng toán về “Tỉ số phần trăm”.

Phiếu học tập số 5

Họ và tên:.....Lớp:.....
1) Trong vườn có 12 cây cam và 28 cây chanh. Tỉ số phần trăm của cây chanh so với số cây trong vườn là:
A. 70% B. 30% C. 43% D. 60%.
2) Khối 5 của một trường có số học sinh giỏi là 63 em, chiếm 10,5 % số học sinh toàn trường. Hỏi trường đó có bao nhiêu học sinh?
A. 300 B. 540 C. 400 D. 600.
3) Một cái xe đạp giá 400 000 đồng, nay hạ giá 15%. Hỏi giá xe đạp nay bán bao nhiêu?
A. 300 000 B. 320 000 C. 340 000 D. 350 000.
4) Giá vàng tháng 1 giảm 10% so với tháng 2, sang tháng 3 lại giảm 10% so với tháng 2. Hỏi giá vàng tháng 1 và tháng 3, giá nào cao hơn?.....
5) Nếu tăng chiều dài của một hình chữ nhật có diện tích 50 m ² thêm 10% và giảm chiều rộng đi 10% thì diện tích HCN tăng hay giảm bao nhiêu mét vuông?.....

Nội dung của PHT số 5, được sắp xếp theo trình độ từ đơn giản đến phức tạp dễ đến khó, theo dụng ý phân hóa của giáo viên. Cụ thể:

Đối với ý 1) học sinh chỉ cần áp dụng quy tắc tìm tỷ số phần trăm của hai số a so với b (a là số cây chanh so với b là số cây của cả vườn) nên học sinh có học lực yếu, kém có thể làm được.

Đối với ý 2) học sinh có học lực trung bình trở lên có thể làm được vì đây là bài toán ngược với bài toán ở ý 1) thường khó hơn. Học sinh cần áp dụng quy tắc tìm một số khi biết giá trị một số phần trăm của nó.

Đối với ý 3) học sinh cần có hai bước suy luận: Tìm số tiền hạ giá ứng với 15% giá ban đầu (bằng cách áp dụng quy tắc tìm giá trị phần trăm của một số). Từ đó lấy số tiền định bán ban đầu trừ đi số tiền hạ giá sẽ được giá tiền bán xe đạp hiện tại. Nên học sinh có học lực trung bình khá trở lên có thể làm được.

Đối với ý 4) học sinh cần phải hiểu và huy động các kiến thức tổng hợp về tỉ số phần trăm một cách linh hoạt, phải thực hiện biện pháp so sánh giá vàng giữa các tháng, chứ không áp dụng một cách máy móc các quy tắc tính toán của các dạng toán về tỉ số phần trăm (học sinh so sánh giá vàng tháng 2 so với tháng 1 có số phần trăm là 110%, rồi so sánh giá vàng tháng 3 với tháng 2 là 90%. Từ đó suy ra giá vàng tháng 3 so với tháng 1 là $110\% > 90\%$ và đi đến kết luận). Do đó chỉ học sinh có học lực khá trở lên mới có thể làm được.

Đối với ý 5), học sinh cần huy động các kiến thức nội môn về hình chữ nhật, về tỉ số phần trăm. Từ đó học sinh phân tích, tổng hợp và vận dụng linh hoạt đồng thời các kiến thức đó (HCN là hình như thế nào? Diện tích HCN tính ra sao? Tăng, giảm chiều dài và chiều rộng 10% nghĩa là sao? Khi tăng, giảm chiều dài và chiều rộng 10% thì diện tích thay đổi như thế nào?) mới có thể giải được bài toán nên chỉ học sinh có học lực giỏi mới có thể làm được.

3.2.3. Thiết kế và sử dụng phiếu học tập hỗ trợ quá trình luyện tập, củng cố kiến thức cho học sinh

3.2.3.1. Mục tiêu của biện pháp

Sau khi học sinh tiếp thu được kiến thức mới, giáo viên cần có biện pháp rèn luyện, khắc sâu tri thức đó cho giáo viên. PHT dạng này được thiết kế nhằm mục đích thực hành, củng cố kiến thức đã học. Vì vậy thông qua PHT, giáo viên dẫn dắt, chỉ đạo giúp học sinh tự giác, chủ động và tích cực khám phá và ghi nhớ kiến thức thông qua quá trình thực hành, luyện tập, rèn luyện các kỹ năng, kỹ xảo. Tùy theo từng tình huống, giáo viên có thể hạ thấp hoặc nâng cao nhiệm vụ học tập cho học sinh khi cần thiết.

3.2.3.2. Cách thực hiện biện pháp

Thiết kế PHT với mục tiêu giúp học sinh khắc sâu kiến thức thông qua các bài tập trắc nghiệm nhiều lựa chọn, để nắm bắt được khả năng tiếp thu kiến thức của học sinh, Từ đó giáo viên có định hướng điều chỉnh phương pháp dạy học sao cho phù hợp với đối tượng học sinh, giúp nâng cao chất lượng dạy học.

Ví dụ 4. PHT được thiết kế theo dạng bài tập trắc nghiệm nhiều lựa chọn giúp học sinh củng cố tri thức đã tiếp thu được. Khi đó giáo viên có thể nắm tình hình học tập của từng học sinh (PHT số 6).

Phiếu học tập số 6

Họ và tên:.....		Lớp:.....	
1) Tỉ số phần trăm của hai số của hai phân số 13 và 52 là:			
A. 60%	B. 40%	C. 55%	D. 50%
2) Cuộn vải dài 300m. Thợ may cắt được 30% chiều dài cuộn vải đó. Phần còn lại của cuộn vải dài:			
A. 90m	B. 201m	C. 210m	D. 215m
3) An đã đọc được 90 trang sách, chiếm 20 % tổng số trang. Vậy cuốn sách đó có số trang là:			
A. 820	B. 800	C. 200	D. 450

Ví dụ 5. Nhằm củng cố lại kiến thức cơ bản về tỉ số phần trăm, đồng thời củng cố cách giải một số bài toán điển hình ở tiểu học như tìm hai số khi biết tổng - tỉ, hiệu - tỉ..., cho học sinh. Giáo viên có thể lồng ghép, tích hợp kiến thức nội môn thông qua việc sử dụng PHT dưới dạng bài tập trắc nghiệm mẫu đúng, sai; mẫu câu hỏi ghép đôi (PHT số 7, PHT số 8).

Phiếu học tập số 7

Họ và tên:.....			Lớp.....		
Hãy viết Đ nếu đúng, viết S nếu sai					
Các phát biểu sau đúng hay sai			Đúng	Sai	
1) $\frac{59}{100}$ được viết dưới dạng tỉ số phần trăm là 0,59%					
2) 64 % viết thành phân số tối giản là $\frac{16}{25}$					
3) $53 \% + 13\% = 0,66\%$					
4) $28,6 \% \times 6 = 11,44\%$					
5) $3\frac{5}{9} \% = 33\%$					
6) $\frac{164}{400} = 41\%$					
7) Để tìm 35% của 135 ta lấy 135 nhân 100 rồi chia 35					
8) Số thập phân 0,435 được viết thành tỉ số phần trăm là 43,5 %					

Phiếu học tập số 8

Họ và tên:.....		Lớp.....	
Hãy nối mỗi ý ở cột A và một ý của B để được một quả đúng			
Cột A		Cột B	
1) Tìm một số biết $\frac{3}{5} \%$ bằng 0,03		a) 40; 25	
2) Hiệu hai số là 21. Biết 37,5% số lớn bằng 0,6 số nhỏ. Hai số đó là:		b) 16	
3) Tổng hai số là 65. Biết 37,5% số lớn bằng 0,6 số nhỏ. Hai số đó là:		c) 50	

4) Biết 65% của một số là 78. Vậy 45% của số đó là:	d) 56; 35
5) Hộp bút có 150 bút bi trong đó có 20% là bút đỏ, bút xanh gấp đôi số đỏ xanh, số còn lại là bút đen. Số bút đen là:	e) 20
6) Có 30l dung dịch axit nồng độ 5%. Số lít nước phải thêm vào để được dung dịch axit nồng độ 3% là:	f) 60

4. KẾT LUẬN

Giáo viên thiết kế và sử dụng PHT một cách phù hợp theo mục tiêu, ý đồ của mình đặt ra, tức là giáo viên xây dựng kế hoạch bài giảng của mình phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh và nội dung bài giảng thì sẽ có những kết quả tích cực trong việc giúp học sinh hứng thú hơn trong học tập. Bởi vì, bản thân các em đã trở thành chủ thể của quá trình nhận thức. Học sinh sẽ chủ động và sáng tạo trong việc lĩnh i, củng cố tri thức, biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Bá Kim (2008), *Phương pháp dạy học môn Toán*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [2] Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Lê Văn Vinh (chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh (2018), *Sách giáo khoa Toán 5, Tập 2*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [3] Hoàng Phê (1996), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [4] Nguyễn Văn Thái Bình (2019), *Thiết kế và sử dụng phiếu học tập trong dạy học chủ đề “Hàm số và phương trình bậc hai”*, Tạp chí Giáo dục, Số đặc biệt kỳ 3 tháng 5.
- [5] Đỗ Mai Hiên (2011), *Thiết kế và sử dụng phiếu học tập tích cực hóa hoạt động nhận thức cho học sinh trong dạy học Sinh học*, Tạp chí Giáo dục, số 268.

DESIGNING AND USING LEARNING SHEETS IN TEACHING GRADE 5 MATH - TOPIC “PERCENTAGES”

Nguyen Thi Nga

ABSTRACT

In teaching activities, there are many useful support tools for teachers in imparting content knowledge to students to concretize teaching and learning goals to enhance cognitive activities. Worksheets (PHT) are a teaching aid that effectively supports teachers. PHT can create excitement to help students prepare lessons effectively, promote an active, proactive, creative role, and train students' self-study and self-research capacity. Teachers can use PHT in their teaching process, by assigning it to each student or group of students, with the purpose of helping students proactively complete assigned learning tasks. In this article, we offer some measures to design and use PHT, illustrated with visual examples in teaching the topic “Percentage” (Math 5).

Keywords: Study Card, teacher, Student, percentage point.

* Ngày nộp bài: 8/4/2024; Ngày gửi phản biện: 12/4/2024; Ngày duyệt đăng: 26/12/2024